

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 01 - 2026.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đậu Thị Mỹ L.

2. Ông Trần Văn Tam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai: Bà Trương Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/9/1977; Căn cước công dân số: 042177004856, Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 23/3/2022.

Nơi cư trú: Tổ 17, ấp An Hòa, p (pH Hóa An, thành phố B cũ), tỉnh Đ;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 10/7/1974; Căn cước công dân số: 042074004966, Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 25/5/2022.

Nơi cư trú: Tổ 17, ấp An Hòa, p, (p, thành phố B), tỉnh Đ;

(Bà H và ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đan Trường, tỉnh Hà Tĩnh) năm 2000. Từ khi kết hôn vợ chồng tH xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng nhiều lần hòa giải nhưng không được. Nay bà xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, hôn nhân lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt

được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

+ Về con chung: Bà và ông H1 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phi L, sinh ngày 19/10/2000 và Nguyễn Ngọc Phi Q, sinh ngày 24/3/2011. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Phi Q. Hiện cháu Nguyễn Ngọc Phi L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

+ Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.

3. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

1.1. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H1 cư trú tại pH Biên Hòa, (pH Hóa An, thành phố Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai, nên đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

1.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã có đơn xin xét xử vắng; bị đơn ông Nguyễn Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đan Trường, tỉnh Hà Tĩnh) vào ngày 12/12/2000. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H1 nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 xảy ra, vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ, chồng tH xuyên cãi vã, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông H1 vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông H1 không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 là có thật, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông H1.

[3] Về con chung: Bà H và ông H1 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phi L, sinh ngày 19/10/2000 và Nguyễn Ngọc Phi Q, sinh ngày 24/3/2011. Ly hôn, đối với con chung Nguyễn Ngọc Phi L đã trưởng thành bà H không yêu cầu xem xét giải quyết; đối với con chung Nguyễn Ngọc Phi Q bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông H1 không có ý kiến nội dung này.

Hiện nay con chung Nguyễn Ngọc Phi Q đang sinh sống cùng với bà Hằng, nguyện vọng của cháu Q cũng mong muốn được sống chung với bà H, bà H có đi làm, có mức thu nhập hàng tháng đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung là Nguyễn Ngọc Phi Q, sinh ngày 24/3/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau ly hôn, ông H1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà H trình bày không có tài sản chung và nợ chung và yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H khởi kiện về ly hôn nên pH1 chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Ngọc H1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Ngọc H1.

- Về con chung: Bà H và ông H1 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phi L, sinh ngày 19/10/2000 và Nguyễn Ngọc Phi Q, sinh ngày 24/3/2011. Ly hôn, giao con chung Nguyễn Ngọc Phi Q, sinh ngày 24/3/2011 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Nguyễn Ngọc Phi L, sinh ngày 19/10/2000 đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H pH1 nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001558 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đan Trường, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại